

Số: 06/2025/QĐST-HNGĐ

Kinh Môn, ngày 24 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm C khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 về việc "*yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và C nhận vợ chồng*" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Phạm Thị H, sinh ngày 01-01-1932. Số căn cước C dân 030132004353. Cấp ngày 06-8-2022. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi cư trú: Khu dân cư L, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Địa chỉ: phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Văn Đức- Chủ tịch

- Anh Tô Văn C, sinh ngày 08-9- 1971. Tên gọi khác Tô Đức C. Số căn cước C dân 030071008826. Cấp ngày 10-4-2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 20-8-1970. Số căn cước C dân 030170007499. Cấp ngày 10-4-2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Đều trú tại: Khu dân cư L, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương

(Bà H, anh C, chị T, Ủy ban nhân dân phường An Lưu đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình của bà Phạm Thị H các tài liệu có trong hồ sơ thể H:

Bà là mẹ đẻ của anh Tô Văn C, chị Nguyễn Thị T là con dâu của bà. Anh C và chị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Lưu, huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng (nay là phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương) vào ngày 05-9-1989. Trước lúc kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu. Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh C chưa đủ tuổi đăng ký nên đã khai sinh năm 1968. Theo căn cước C dân thể H anh C sinh ngày 08-9-1971, tên là Tô Văn C. Như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn anh C mới được 17 tuổi 11 tháng 27 ngày chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định. Tại giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ghi tên của anh C là Tô Đức C là không đúng. Bà cam đoan anh Tô Văn C và Tô Đức C đều là một người. Các giấy tờ của con trai bà đều là Tô Văn C. Do thời điểm đăng ký kết hôn ghi sai tên là Tô Đức C.

Anh C và chị T kể từ khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, có 03 con chung. Nay bà đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn hủy đăng ký kết hôn giữa chị T và anh C do UBND xã An Lưu (nay là phường An Lưu) cấp ngày 05-9-1989.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Tô Văn C và chị Nguyễn Thị T trình bày:

Anh C và chị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Lưu (nay là phường An Lưu) vào ngày 5-9-1989. Trước lúc kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu. Tại thời điểm đăng ký kết hôn ghi anh tên là Tô Đức C sinh năm 1968 cho đủ tuổi. Theo căn cước C dân thể H anh có tên là Tô Văn C, sinh ngày 05-9-1989. Như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn đã ghi tên anh không đúng và anh mới đủ 17 tuổi 11 tháng 27 ngày chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định. Do thời điểm đó anh đã khai tăng tuổi lên. Anh chị kể từ khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, có 03 con chung là Tô Văn Quân, sinh năm 1990; Tô Thị Cúc, sinh ngày 24-3-1993; Tô Thị Nhài, sinh ngày 12-7-1995.

Nay mẹ anh là Phạm Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn hủy đăng ký kết hôn cấp ngày 08-9-1989 anh chị không đồng ý. Đến thời điểm này anh C đã đủ tuổi kết hôn theo quy định nên anh chị cùng đề nghị Tòa án C nhận anh chị là vợ chồng kể từ thời điểm anh C đủ tuổi đăng ký kết hôn. Anh cam đoan tên Tô Văn C và Tô Đức C là một người. Nếu sai anh hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Đại diện ủy ban nhân dân phường An Lưu trình bày :

Anh Tô Văn C và chị Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Lưu (phường An Lưu) vào ngày 05-9-1989. Tại sổ đăng ký kết hôn số thứ tự 22/1989 ghi tên chồng là Tô Đức C, sinh năm 1968; tên vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1969. Đối chiếu với giấy khai sinh và Căn cước C dân của anh thể H tên là Tô Văn C, sinh ngày 08-9-1971 như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn anh C không đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định. Quan điểm của địa phương đồng ý hủy giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của anh Tô Văn C và chị Nguyễn Thị T do Ủy ban nhân dân xã An Lưu (phường An Lưu) cấp ngày 05-9-1989. Địa phương xác định anh Tô Văn C và Tô Đức C là một người.

Tại phiên họp: Bà H, anh C, chị T, Ủy ban nhân dân phường An Lưu đều có đơn xin vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên quan điểm như đã trình Bày tại quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 8, Điều 10; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị H về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Tô Văn C (Tô Đức C) và chị Nguyễn Thị T theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 22 ngày 05-9-1989 do Ủy ban nhân dân xã An Lưu, huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng (nay là phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương) cấp.

2. C nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Tô Văn C (Tô Đức C) kể từ ngày 08-9-1991.

3. Về lệ phí: Bà Phạm Thị H không phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Tô Văn C (Tô Đức C) và chị Nguyễn Thị T phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Phạm Thị H có đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Tô Văn C và chị Nguyễn Thị T. Anh C và chị T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Lưu, huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng (nay là phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương). Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn thụ lý giải quyết yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà H, anh C, chị T và UBND phường An Lưu đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án quyết định mở phiên họp vắng mặt bà H, anh C, chị T, Ủy ban nhân dân phường An Lưu.

[2]. Về nội dung:

- Xét yêu cầu của bà Phạm Thị H về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Tô Văn C (Tô Đức C) và chị Nguyễn Thị T, do Ủy ban nhân dân xã An Lưu (nay là phường An Lưu) cấp số 22 ngày 05-9-1989. Tại Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ghi năm sinh của anh Tô Văn C (Tô Đức C) là 1968. Đối chiếu với Giấy khai sinh và Căn cước C dân của anh C thể H ngày tháng năm sinh của anh là 08-9-1971. Như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn anh C mới được 17 tuổi 11 tháng 27 ngày, chưa đủ tuổi đăng ký theo quy định tại Điều 5 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Anh C và chị T không đồng ý hủy kết hôn trái pháp luật và đề nghị C nhận anh chị là vợ chồng kể từ thời điểm anh C đủ tuổi theo quy định. Ủy ban nhân dân phường An Lưu đồng ý hủy giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa anh C và chị T.

Yêu cầu của bà H là có căn cứ tuy nhiên anh C và chị T đều đề nghị Tòa án C nhận vợ chồng nên không chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của bà. Áp dụng Điều 8; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình C nhận quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị T kể từ ngày 08-9-1991.

[3]. Về lệ phí: Bà Phạm Thị H không phải chịu lệ phí Tòa án theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh C và chị T phải chịu lệ phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 8, Điều 10; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị H về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Tô Văn C (Tô Đức C) và chị Nguyễn Thị T theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 22 ngày 05-9-1989 do Ủy ban nhân dân xã An Lưu, huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng (nay là phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương) cấp.

2. C nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Tô Văn C (Tô Đức C) và chị Nguyễn Thị T kể từ ngày 08-9-1991.

3. Về lệ phí: Bà Phạm Thị H không phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Tô Văn C (Tô Đức C) và chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND phường An Lưu, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Nguyệt